

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 17
TỈNH LĐ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 16/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 05-02-2026
V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17– LĐ**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Phúc Thị T H

Các hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Hồ Văn S

2/ Ông Lê Hoàng P

Thư ký phiên tòa: Ông Tô Văn L - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 17 – LĐ

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 – LĐ tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh T - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 17 – LĐ; Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý: 134/2025/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 10 năm 2025, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 144/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 22 tháng 12 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 17/2026/QĐST-HN&GD, ngày 19/01/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trương Thị Ngọc M, sinh năm 1965. Nơi cư trú: Số nhà 187, đường HV, thôn VX6, xã DL, tỉnh LĐ

- Bị đơn: Ông Phạm Hồng L, sinh năm: 1964. Nơi cư trú: Số nhà 187, đường HV, thôn VX6, xã DL, tỉnh LĐ

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Biên bản hòa giải, các tài liệu khác có trong hồ sơ và tại phiên tòa, nguyên đơn Trương Thị Ngọc M trình bày: Bà và ông Phạm Hồng L tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Vũ Hòa vào năm 1996, nhưng bà làm mất giấy chứng nhận kết hôn bản gốc, nên đi xin trích lục giấy chứng nhận kết hôn thì được Ủy ban xã VH nay là UBND xã DL trả lời cho bà bằng văn bản, khẳng định không tìm thấy hồ sơ lưu đăng ký kết hôn giữa bà và ông Phạm Hồng L. Từ khi kết hôn đến nay, ông L thường hay chửi mắng bà thậm tệ, nhưng bà vẫn chấp nhận

sống với ông cho đến gần đây thì ông có ngoại tình và có con riêng, ông về nhà gây gỗ chửi mắng bà và nhiều lần đuổi bà ra khỏi nhà, nên nay bà xác định không còn tình cảm với ông L, không thể tiếp tục chung sống với ông nữa nên bà yêu cầu ly hôn Ông Phạm Hồng L

Về con chung: Bà và ông L từ khi kết hôn đến nay không có con chung.

Về tài sản chung: Theo đơn khởi kiện bà trình bày bà và ông L có tài sản chung là một căn nhà còn đất là do cha mẹ bà cho riêng bà, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà rút lại phần tranh chấp chia tài sản chung.

Theo biên bản lấy lời khai; Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ, biên bản hòa giải và các tài liệu khác có trong hồ sơ, bị đơn Phạm Hồng L trình bày: Ông và bà Trương Thị Ngọc M tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 1996, có đăng ký kết tại UBND xã Vũ Hòa năm 1996, nhưng đến nay mất giấy chứng nhận kết hôn. Ông không đồng ý ly hôn với bà M

Về con chung: Ông bà không có con chung.

Về tài sản và nợ chung: Các đương sự không tranh chấp.

Ý kiến của kiểm sát viên về việc tuân thủ pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử và của các đương sự: Thẩm phán đã tiến hành thụ lý hồ sơ đúng quy định, xác định đúng quan hệ pháp luật, thư ký đã tuân thủ đúng pháp luật, Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử đúng trình tự luật định, nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật, bị đơn từ bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Về nội dung vụ án: Giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà M và ông L là phù hợp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả thẩm vấn nguyên đơn tại phiên tòa, đồng thời đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Tòa án nhân dân KV17 –LD đã thụ lý, giải quyết đơn khởi kiện của bà Trương Thị Ngọc M là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là “Yêu cầu không công nhận bà Trương Thị Ngọc M và ông Phạm Hồng L là vợ chồng”

[3] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai và không có tài liệu, chứng cứ thể hiện sự vắng mặt của bị đơn là do sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều

227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với bị đơn là phù hợp.

[4] Nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Bà Trương Thị Ngọc M và ông Phạm Hồng L đã tự nguyện sống chung với nhau từ năm 1996 đến nay. Ông bà trình bày có đăng ký kết hôn tại UBND xã Vũ Hòa (cũ). Xét thấy kể từ ngày 01/7/2025 theo quy định về xác nhập đơn vị hành chính thì Ủy ban nhân dân xã Vũ Hòa, Ủy ban nhân dân xã NC và Ủy ban nhân dân thị trấn VX sáp nhập lại với nhau và lấy tên là Ủy ban nhân dân xã ĐL, tỉnh LD. Ngày 17/9/2025, Ủy ban nhân dân xã ĐL, tỉnh LD đã trả lời cho bà M bằng công văn số 559/UBND về việc kiểm tra, trả lời trích lục kết hôn cho công dân Trương Thị Ngọc M thì xác định trong tàng thư hồ sơ lưu đăng ký kết hôn không có lưu hồ sơ kết hôn của công dân Trương Thị Ngọc M. Do đó, xác định việc bà M và ông L sống chung với nhau nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Đến nay ông, bà cũng không đăng ký kết hôn bổ sung nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng.

Nay bà M xác định việc chung sống giữa bà M và ông L không hạnh phúc, do ông L thường xuyên xúc phạm, chửi mắng bà M. Tuy ông L không muốn ly hôn với bà M nhưng quá trình giải quyết vụ án, ông L không chấp hành, ông đã bỏ mặc bà M muốn làm gì thì làm. Nên xác định ông L cũng không còn tình cảm với bà M nữa. Nay bà M yêu cầu tòa án tuyên bố không công nhận bà và ông L là vợ chồng là có căn cứ nên được chấp nhận. Do đó, căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trương Thị Ngọc M và ông Phạm Hồng L là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về con chung: Bà M và ông L không có con chung.

Về tài sản và nợ chung: Bà M rút một phần yêu cầu khởi kiện về chia tài sản nên cần đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện.

Về án phí: Bà M là người khởi kiện nhưng bà thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn nộp án phí.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nội dung của vụ án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 1 Điều 51, Khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Luật Thi hành án dân sự năm 2008, tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về chia tài sản
2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Ngọc M: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trương Thị Ngọc M và ông Phạm Hồng L.

3. **Về án phí DSST:** Căn cứ vào quy định tại Điều 143 và 147 Bộ luật tố tụng dân sự, các điểm đ khoản 1 Điều 12, 14, 15 và 46 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bà Trương Thị Ngọc M được miễn nộp tạm ứng án phí, án phí. (Bà M là người cao tuổi)

4. **Về quyền kháng cáo:** Báo cho nguyên đơn có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án (05/2/2026), bị đơn vắng mặt tại phiên tòa biết, có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 17;
- Phòng thi hành án KV 17;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã ĐL;
- Phòng KTNV – TAND tỉnh
- Lưu hồ sơ, bản án./.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Phúc Thị Thu H

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

